

Số: /QĐ - BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án**  
**“Nạo vét luồng hàng hải Diêm Điền” tại huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nạo vét luồng hàng hải Diêm Điền” tại huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình” họp ngày 19 tháng 4 năm 2019;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nạo vét luồng hàng hải Diêm Điền” tại huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản số 186/BQLDAGT-ĐHDA ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Thái Bình;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nạo vét luồng hàng hải Diêm Điền” tại huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (sau đây gọi là Dự án) được lập bởi Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Thái Bình (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô của Dự án:

- Nạo vét tuyến luồng với chiều dài 11,2 km từ cầu Diêm Điền đến phao số 0, chiều rộng tuyến luồng 50 m và cao trình đáy luồng -3 m để đón tàu có trọng tải 2.000 DWT đầy tải và 3.000 DWT lợi dụng mực nước thủy triều hoặc giảm tải vào cảng Diêm Điền. Tổng khối lượng nạo vét 2,55 triệu m<sup>3</sup>; thời gian nạo vét: từ 2019 đến 2020.

- Hồ chứa tạm để chứa vật liệu nạo vét trước khi bơm vào bãi chứa vật liệu nạo vét có thể tích 50.000 m<sup>3</sup>.

- Luồng tạm: chiều dài 65 m, chiều rộng 265 m, cao trình đáy -1,5 m, phục vụ cho việc vận chuyển vật liệu nạo vét vào hồ chứa tạm.

- Bãi chứa vật liệu nạo vét: có diện tích 100 ha thuộc khu đất do Ủy ban nhân dân xã Thái Thượng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình quản lý, được đắp đê chắn xung quanh với chiều dài là 5.000 m, chiều rộng đỉnh đê là 2,0 m, chiều rộng chân đê là 13,1 m. Trong bãi thải bố trí hồ lắng với thể tích 19.500 m<sup>3</sup> để lắng đọng bùn cát đảm bảo nước thải ra môi trường đạt chất lượng nước biển vùng biển ven bờ theo QCVN 10- MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước biển.

- Hoạt động đùn bù, giải phóng mặt bằng không thuộc phạm vi báo cáo đánh giá tác động môi trường.

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, QCVN 08 MT:2015/MT-BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt, QCVN 10-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước biển và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng Dự án.

2.2. Lưu giữ, thu gom và xử lý các loại chất thải rắn, dầu mỡ thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

2.3. Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu những tác động xấu đến chất lượng nước sông, biển, hệ thủy sinh của khu vực diễn ra các hoạt động của Dự án; bảo đảm không ảnh hưởng đến khu vực nuôi trồng thủy sản khu vực lân cận và không phát tán bụi từ bãi chứa vật, chất nạo vét ra môi trường xung quanh.

2.4. Tổ chức triển khai các hoạt động nạo vét vào những thời điểm phù hợp và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tới hệ sinh thái và nguồn lợi thủy sản trong khu vực.

2.5. Có biện pháp quản lý đội ngũ cán bộ, lực lượng lao động nhằm ngăn chặn các hành vi chặt phá cây rừng ngập mặn, khai thác thủy sản trái phép và bảo vệ môi trường.

2.6. Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động

môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

### 3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và chỉ được triển khai Dự án sau khi đã hoàn thành công tác đền bù, bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành.

3.2. Chỉ được phép đổ vật, chất nạo vét vào vị trí đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép; triển khai khu vực chứa vật, chất nạo vét sau khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý có thẩm quyền về việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định; diện tích, hướng tuyến, độ sâu, thiết kế luồng nạo vét phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và tuân thủ nghiêm các yêu cầu về an toàn trong thiết kế đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3.3. Thiết kế bãi chứa vật liệu nạo vét phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

3.4. Phòng ngừa ô nhiễm môi trường tuân thủ các quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải; thực hiện các thủ tục về thiết lập khu neo đậu chuyên tải tạm thời theo đúng hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải và các quy định hiện hành khác.

3.5. Phối hợp với chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư thông kê các hộ dân có sinh kế bị ảnh hưởng bởi Dự án; có kế hoạch đền bù, hỗ trợ thỏa đáng, tạo sự đồng thuận từ chính quyền và cộng đồng dân cư địa phương trong trường hợp xảy ra sự cố và rủi ro môi trường gây thiệt hại tới cộng đồng dân cư và môi trường do trong quá trình triển khai Dự án.

3.6. Phối hợp với các cơ quan liên quan và các đơn vị thực hiện nạo vét để lập kế hoạch nạo vét và phương án điều tiết phù hợp; quản lý nước thải phát sinh từ bãi chứa vật liệu nạo vét và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đối với hoạt động nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản, sản xuất nông nghiệp, đời sống và sinh kế của người dân, an toàn giao thông đường thủy và vệ sinh môi trường theo đúng quy định hiện hành.

3.7. Lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố, ứng cứu tai nạn giao thông đường thủy, tai nạn lao động và rủi ro môi trường trong quá trình triển khai Dự án.

3.8. Theo dõi và báo cáo các hiện tượng bồi lắng lòng sông, xói lở, biến động của dòng chảy trong khu vực Dự án; thực hiện nghiêm các yêu cầu về bảo đảm an toàn đê kè theo các quy định pháp luật hiện hành; trong trường hợp phát hiện sự cố xói lở bất thường, phải dừng ngay việc nạo vét và báo cáo cơ quan có chức năng liên quan để kịp thời kiểm tra, xử lý đảm bảo giảm thiểu tác động tới

cảnh quan, môi trường, các công trình xây dựng và luồng giao thông của khu vực.

3.9. Niêm yết công khai tại địa điểm thực hiện Dự án và có các biện pháp thông tin tới cộng đồng dân cư xung quanh về phạm vi nạo vét, các hoạt động chính của Dự án, các tác động xấu đối với môi trường và cộng đồng cũng như các biện pháp giảm thiểu sẽ được thực hiện; phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết các tranh chấp, khiếu kiện (nếu có) theo đúng các quy định hiện hành.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm sau đây:

2.1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2.3. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 4.** Ủy nhiệm Tổng cục Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Thái Bình;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Giao thông vận tải;
- UBND tỉnh Thái Bình;
- Sở TN&MT tỉnh Thái Bình, Sở NN&PTNT tỉnh Thái Bình;
- Thanh tra Bộ, TCQLĐĐ, TCB&HĐVN;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT(TĐ 03, CBVMTMB), HH.14.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Võ Tuấn Nhân**